

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-10-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương

2. Ông Thái Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử công khai vụ án thụ lý số 944/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ng Th Th D, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Số 773/19, Tổ 10, Khu 7, đường L, phường Ph, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị đơn: Ông Tr V B, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Số 87/3, khu phố Đ, phường L, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy Dương trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th Th D và ông Tr V B tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2016 ngày 20 tháng 6 năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2018 đến nay và không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau nữa. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể

hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tr Ng Th Tr, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2017. Khi vợ chồng ly hôn, bà D yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tr V B trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà D về quan hệ hôn nhân, con chung.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với mẹ ông tại phường L. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do bà D có những lời lẽ thiếu tôn trọng ông và gia đình nhà chồng khi ông đi chơi với bạn bè và mỗi khi bị mẹ ông nhắc nhở công việc nhà. Khoảng 4 tháng nay bà D tự ý bỏ về nhà mẹ của bà D ở không còn quan tâm, chăm sóc ông nữa. Nay, bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương yêu vợ con. Trường hợp, vợ chồng ly hôn, ông B đồng ý giao con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy: Ông B trình bày vẫn còn tình cảm với bà D và rất thương con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà D xác định không còn yêu thương, không còn tình cảm vợ chồng và không thể sống cùng với ông B. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương cũng xác định vợ chồng bà D, ông B thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, hiện nay bà D đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống được khoảng 4 tháng. Do đó, theo quy định tại các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu ly hôn với ông B là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà D yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và được ông B đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà D khởi kiện ông B yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con. Ông B hiện đang thường trú tại địa chỉ số 87/3, khu phố Đ, phường L, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Xét, đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th Th D và ông Tr V B tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2016 ngày 20 tháng 6 năm 2016, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B.

Ông B thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà D có những lời lẽ thiếu tôn trọng ông và gia đình nhà chồng. Tuy nhiên, do ông vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn với bà D.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông B không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau, điều này được thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà D, ông B sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Quá trình tố tụng, Tòa án nhiều lần hòa giải để động viên bà D quay về đoàn tụ với ông B, nhưng bà D cương quyết không đoàn tụ và yêu cầu ly hôn. Riêng bản thân ông B có mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng ông không có bất cứ tác động gì để vợ chồng có thể hàn gắn. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay bà D xác định bà không còn tình cảm với ông B nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Tr Ng Th Tr, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2017. Khi vợ chồng ly hôn, bà D yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và được ông B đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu Tr còn quá nhỏ dưới 36 tháng tuổi, lại là con gái nên rất cần có sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Do đó, bà D yêu cầu giao con chung cho bà và được ông

B đồng ý là phù hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D tự nguyện không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng Th Th D đối với bị đơn ông Tr V B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th Th D được ly hôn với ông Tr V B.

- Về con chung: Giao cháu Tr Ng Th Tr, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2017 cho bà Ng Th Th D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng Th Th D không yêu cầu ông Tr V B phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ng Th Th D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0024026 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND phường L, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Phạm Thị Bạch Tuyết